BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO **TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT TP.HCM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:1755 /QĐ-ĐHL	*Tp.Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 11 năm 2026.*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2025 của Trường Đại học Luật TP.HCM

Căn cứ Quyết định số 1234/GD-ĐT ngày 30 tháng 3 năm 1996 về việc thành lập Trường Đại học Luật thuộc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 9 năm 2026;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC của Bộ Tài chính: Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông báo Kết quả kiểm toán số 229/TB-KTNN ngày 02 tháng 7 năm 2026 "Về việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2025 tại Trường Đại học Luật TP.Hồ Chí Minh";

Theo đề nghị của Phòng Tài chính – kế toán;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2025 của Trường Đại học Luật TP.Hồ Chí Minh (theo biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng Phòng Tài chính – Kế toán, Trưởng Phòng Pháp chế và Kiểm tra nội bộ, Trưởng phòng Đảm bảo chất lượng và Khảo thí và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: - Như điều 3; - Lưu VT, Phòng TC-KT	**HIỆU TRƯỞNG** BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT TP. HỒ CHÍ MINH **LÊ TRƯỜNG SƠN**

Đơn vị: TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT TP.HCM

Chương: 022

Biểu số 04

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGUỒN NSNN

Năm 2025

(Kèm theo quyết định số 1755 /QĐ-ĐHL ngày 02 / 11 /2026

của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật TP.Hồ Chí Minh)

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Nội dung	Số liệu báo cáo quyết toán	Số kiểm toán	Chênh lệch
1	**DOANH THU**	**619.005.678.677**	**619.005.678.677**	-
1.1	Doanh thu từ kinh phí NSNN cấp	34.731.873.408	34.731.873.408	-
1.2	Doanh thu từ nhà tài trợ nước ngoài			-
1.3	Doanh thu từ phí được khấu trừ, để lại			-
1.4	Doanh thu tài chính	20.699.556.364	20.699.556.364	-
1.5	Doanh thu từ hoạt động nghiệp vụ			-
1.6	Doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ	563.488.748.905	563.488.748.905	-
	Doanh thu do đơn vị trực tiếp thu	561.808.909.625	561.808.909.625	-
	Doanh thu kinh phí cung cấp dịch vụ sự nghiệp công từ NSNN	1.679.839.280	1.679.839.280	-
1.7	Thu nhập khác	85.500.000	85.500.000	-
2	**CHI PHÍ**	**418.881.847.653**	**419.052.309.344**	**170.461.691**
2.1	Chi phí hoạt động không giao tự chủ	1.097.300.000	1.097.300.000	-
2.2	Chi phí hoạt động giao tự chủ			-
2.3	Chi phí tài chính	93.724.491	93.724.491	-
2.4	Giá vốn hàng bán	278.814.270.613	278.984.732.304	170.461.691
2.5	Chi phí bán hàng			-
2.6	Chi phí quản lý của hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ	138.844.491.549	138.844.491.549	-
2.7	Chi phí khác	32.061.000	32.061.000	-
2.8	Chi phí tài sản bàn giao			-
3	**CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**	1.897.645.410	2.141.281.149	243.635.739
4	**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM**	**198.226.185.614**	**197.812.088.184**	**(414.097.430)**
5	**ĐIỀU CHỈNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG DO CHI PHÍ GHI NHẬN NĂM NAY NHƯNG DOANH THU ĐÃ GHI NHẬN NĂM TRƯỚC**	**23.269.793.145**	**23.269.793.145**	-
6	**THẶNG DƯ/ THÂM HỤT TRONG NĂM**	**221.495.978.759**	**221.081.881.329**	**(414.097.430)**
	Các khoản phân phối vào quỹ thuộc đơn vi	190.263.946.142	190.263.946.142	-
	Nguồn kinh phí mang sang năm sau	33.576.973.408	33.576.973.408	-
	Thặng dư không phân phối/thâm hụt chuyển năm sau	(2.344.940.791)	(2.344.940.791)	